

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04/5/2021

V/v hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021:

* Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Độc Lập, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Trung Thịnh, xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

* Bị đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn Độc Lập, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, Thái Bình.

(Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 06/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 luôn ghen tuông chửi bới chị nhiều dẫn đến vợ chồng không cùng quan điểm sống, sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Đỗ Quốc T2, sinh ngày 21/7/2003, Đỗ Triệu P, sinh ngày 10/10/2007 và Đỗ Ngọc L, sinh ngày 03/6/2013. Cháu Đỗ Quốc T2 đã nghỉ học, đang lao động tự do, có thể tự lập. Từ khi ly thân con chung do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc con chung. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Đỗ Ngọc L, giao con chung Đỗ Triệu P và Đỗ Quốc T2 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về điều kiện nuôi con chung, từ khi ly thân chị chuyển về chung sống cùng bố mẹ đẻ ở xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Bố mẹ chị có nhà cửa kiên cố, rộng rãi và đồng ý cho chị đón con về ở cùng. Hiện nay chị đang làm cho công ty Bảo Việt Thái Bình thu nhập bình quân 6.000.000 đồng một tháng. Chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T xác định vợ chồng không có nợ chung, và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

** Anh T1 vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2021 có sự chứng kiến của công chức tư pháp xã Thái Thọ, bị đơn - anh Đỗ Văn T1 trình bày:*

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo phiên họp của Tòa án về việc chị T xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Nhưng do anh và chị T chưa thống nhất được với nhau nên anh không đến Tòa án làm việc và không viết tự khai, không có đơn trình bày để thể hiện quan điểm của anh.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thọ ngày 02/10/2002. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế, cụ thể là do chị T vay nợ nhiều nơi nhưng không cho anh biết và anh cũng không biết chị T vay nợ để chi tiêu việc gì. Anh và chị T đã sống ly thân khoảng 2 năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung như chị T đã trình bày. Cháu Đỗ Quốc T2 đã gần đủ 18 tuổi, nghỉ học đi lao động và tự lập. Hai cháu P, Linh đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con chung và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên anh T1 từ chối đưa ra mức yêu cầu cấp dưỡng cụ thể, không trình bày về tài sản chung, nợ chung và không ký nhận biên bản lấy lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn T1; Về quan hệ con chung: Giao anh T1 trực tiếp nuôi 02 con Đỗ Triệu P và Đỗ Quốc T2. Giao cho chị T trực tiếp nuôi Đỗ Ngọc L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 02/10/2002. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do tính tình không hợp, bất đồng về cung cách làm ăn, chi tiêu trong gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến thể hiện quan điểm, không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai, anh T1 đồng ý ly hôn. Chứng tỏ anh T1 không tha thiết gì việc đoàn tụ với chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Đỗ Quốc T2, sinh ngày 21/7/2003, Đỗ Triệu P, sinh ngày 10/10/2007 và Đỗ Ngọc L, sinh ngày 03/6/2013. Cháu Đỗ Quốc T2 đã nghỉ học, đang lao động tự do, có thể tự lập và vẫn thường về ở cùng anh T1 vào những dịp nghỉ, lễ tết. Từ khi ly thân, hai cháu P, Linh được anh T1 chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Chị T tuy không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc con chung. Tại biên bản lấy lời khai, anh T1 có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh T1 không ký nhận biên bản. Anh T1 đã được Tòa án yêu cầu trình bày quan điểm về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh T1 không có đơn trình bày quan điểm về con chung và mức cấp dưỡng. Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu L và

giao cho anh T1 nuôi dưỡng hai cháu Triệu và cháu P. Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh T1 đều có nơi ở ổn định và đều có mức thu nhập không ổn định nên giao cho một người nuôi cả ba con chung sẽ không đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của con chung. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị T giao cho chị T nuôi dưỡng cháu L và giao cho anh T1 nuôi dưỡng cháu Triệu và cháu P là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày và cung cấp chứng cứ về tài sản chung, nợ chung nhưng anh T1 từ chối trình bày, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ về tài sản chung, nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đỗ Thị T ly hôn anh Đỗ Văn T1.

2. *Về con chung*: Giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung Đỗ Quốc T2, sinh ngày 21/7/2003, Đỗ Triệu P, sinh ngày 10/10/2007. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng Đỗ Ngọc L, sinh ngày 03/6/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Đỗ Thị T, anh Đỗ Văn T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001976 ngày 01/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thái Thợ (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

